TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 08-Phòng Cơ điện, vận tải

Tháng 12 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC HĐCĐ	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương				BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**84**		**49.312.000**	**5**	**2.635.000**	**10**	**2.760.769**	**7**	**1.965.923**		**870.000**	**57.543.692**	**2.256.500**	**423.300**	**282.300**	**575.500**	**220.000**	**57.200**	**1.800.000**	**5.614.800**	**51.928.892**	
1	HL-00194	Nguyễn Quang Hùng	Trưởng phòng	7.302.000	19	A	11.556.000	3	1.719.000			7	1.965.923			15.240.923	584.200	109.600	73.100	152.400	55.000		1.000.000	1.974.300	13.266.623	
2	HL-01806	Đoàn Mạnh Hùng	Phó phòng	8.095.000	20	A	12.664.000	2	916.000	5	1.556.731					15.136.731	647.700	121.500	81.000	151.400	55.000		400.000	1.456.600	13.680.131	
3	HL-04071	Nguyễn Mậu Cường	Phó phòng	6.261.000	20	A	13.095.000			5	1.204.038					14.299.038	500.900	94.000	62.700	143.000	55.000	57.200	400.000	1.312.800	12.986.238	
4	HL-00097	Lê Xuân Phúc	Phó phòng	6.545.000	25	A	11.997.000								870.000	12.867.000	523.700	98.200	65.500	128.700	55.000			871.100	11.995.900	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**467**		**189.022.000**	**28**	**9.324.000**	**81**	**17.785.577**			**62.153**	**1.740.000**	**217.933.730**	**9.781.400**	**1.835.100**	**1.224.000**	**2.179.600**	**1.210.000**	**371.800**	**400.000**	**17.001.900**	**200.931.830**	
5	HL-00975	Nguyễn Bình Khiêm	Chuyên viên	5.154.000	25	A	8.576.000	2	630.000							9.206.000	412.400	77.400	51.600	92.100	55.000			688.500	8.517.500	
6	HL-00224	Hoàng Quốc Vị	Chuyên viên	5.682.000	20	A	9.926.000			5	1.092.692				870.000	11.888.692	454.600	85.300	56.900	118.900	55.000	57.200		827.900	11.060.792	
7	HL-00406	Bùi Châu Thuấn	Chuyên viên	5.966.000	21	A	10.493.000	2	756.000	4	917.846					12.166.846	477.300	89.500	59.700	121.700	55.000	28.600		831.800	11.335.046	
8	HL-01334	Nguyễn Tiến Văn	Chuyên viên	5.154.000	22	A	9.926.000	2	756.000	3	594.692					11.276.692	412.400	77.400	51.600	112.800	55.000			709.200	10.567.492	
9	HL-03428	Nguyễn Huy Quyền	Chuyên viên	5.411.000	17	A	9.237.000	2	756.000	7	1.456.808					11.449.808	432.900	81.200	54.200	114.500	55.000			737.800	10.712.008	
10	HL-04619	Trần Văn Hanh	Chuyên viên	5.411.000	20	A	8.792.000	2	756.000	5	1.040.577					10.588.577	432.900	81.200	54.200	105.900	55.000			729.200	9.859.377	
11	HL-00223	Lê Hồng Công	Chuyên viên	7.516.000	20	A	8.287.000			5	1.445.385					9.732.385	601.300	112.800	75.200	97.300	55.000			941.600	8.790.785	
12	HL-03390	Đồng Văn Huấn	Chuyên viên	5.154.000	20	A	8.287.000			5	991.154				870.000	10.148.154	412.400	77.400	51.600	101.500	55.000	57.200		755.100	9.393.054	
13	HL-00902	Nguyễn Văn Lâm	Chuyên viên	5.411.000	23	A	8.287.000	2	630.000	2	416.231					9.333.231	432.900	81.200	54.200	93.300	55.000			716.600	8.616.631	
14	HL-04052	Dương Đình Anh	Chuyên viên	5.682.000	17	A	8.287.000			7	1.529.769					9.816.769	454.600	85.300	56.900	98.200	55.000	28.600		778.600	9.038.169	
15	HL-00048	Trần Công Trung	Chuyên viên	6.578.000	20	A	8.287.000			5	1.265.000					9.552.000	526.300	98.700	65.800	95.500	55.000	57.200		898.500	8.653.500	
16	HL-00740	Đoàn Thị Thắm	Chuyên viên	5.154.000	25	A	8.287.000							62.153		8.349.153	412.400	77.400	51.600	83.500	55.000			679.900	7.669.253	
17	HL-04468	Hà Đình Cường	Chuyên viên	5.154.000	25	A	8.476.000	2	630.000							9.106.000	412.400	77.400	51.600	91.100	55.000		400.000	1.087.500	8.018.500	
18	HL-02051	Nguyễn Tài Chính	Chuyên viên	4.982.000	25	A	8.476.000	2	630.000							9.106.000	398.600	74.800	49.900	91.100	55.000			669.400	8.436.600	
19	HL-01954	Lại Văn Nhật	Chuyên viên	5.682.000	20	A	8.576.000	2	630.000	5	1.092.692					10.298.692	454.600	85.300	56.900	103.000	55.000			754.800	9.543.892	
20	HL-01517	Phạm Văn Trọng	Chuyên viên	5.966.000	25	A	8.476.000	2	630.000							9.106.000	477.300	89.500	59.700	91.100	55.000			772.600	8.333.400	
21	HL-00500	Nguyễn Đức Duy	Chuyên viên	5.682.000	17	A	7.064.000	2	630.000	8	1.748.308					9.442.308	454.600	85.300	56.900	94.400	55.000			746.200	8.696.108	
22	HL-04601	Vũ Đức Hạnh	Chuyên viên	5.154.000	20	A	8.287.000	2	630.000	5	991.154					9.908.154	412.400	77.400	51.600	99.100	55.000			695.500	9.212.654	
23	HL-01808	Nguyễn Trung Vinh	Chuyên viên	6.264.000	20	A	8.287.000			5	1.204.615					9.491.615	501.200	94.000	62.700	94.900	55.000	114.400		922.200	8.569.415	
24	HL-04172	Đào Mạnh Cường	Chuyên viên	5.411.000	20	A	8.287.000			5	1.040.577					9.327.577	432.900	81.200	54.200	93.300	55.000	28.600		745.200	8.582.377	
25	HL-04521	La Công Quân	Nhân viên	4.982.000	20	A	8.954.000	2	630.000	5	958.077					10.542.077	398.600	74.800	49.900	105.400	55.000			683.700	9.858.377	
26	HL-06503	Chu Quang Minh	Nhân viên	4.704.000	25	A	7.467.000	2	630.000							8.097.000	376.400	70.600	47.100	81.000	55.000			630.100	7.466.900	
Tổng cộng					**551**		**238.334.000**	**33**	**11.959.000**	**91**	**20.546.346**	**7**	**1.965.923**	**62.153**	**2.610.000**	**275.477.422**	**12.037.900**	**2.258.400**	**1.506.300**	**2.755.100**	**1.430.000**	**429.000**	**2.200.000**	**22.616.700**	**252.860.722**	

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng